BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

BÁO CÁO QUY HOẠCH CHI TIẾT NHÓM CẢNG BIỂN SỐ 5 (NHÓM CẢNG BIỂN ĐÔNG NAM BỘ)

BÁO CÁO GIỮA KỲ

ĐƠN VỊ TRÌNH BÀY: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN (PORTCOAST CONSULTANT CORPORATION)**

PORTCOAST

Địa chỉ: 92 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 38211486, 39143785; Fax: (08) 38216274
Website: http://www.portcoast.com; http://www.portcoast.com.vn
E-mail: portdpt@ hcm.vnn.vn; admin@ portcoast.com.vn

THÁNG 09-2010

VỊ TRÍ NHÓM CẢNG BIỂN SỐ 5 TRONG HỆ THỐNG CẢNG BIỂN VIỆT NAM

NHIỆM VỤ QUY HOẠCH

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

✓ **Xây dựng Quy hoạch chi tiết phát triển hệ thống cảng biển Nhóm 5 đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 làm cơ sở cho đầu tư phát triển hệ thống cảng trong nhóm.**

✓ **Nghiên cứu các giải pháp thực hiện, kế hoạch hành động ngắn hạn, lựa chọn các dự án ưu tiên.**

PHẠM VI VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

PHẠM VI NGHIÊN CỨU:

✓ **Nhóm cảng biển Đông Nam Bộ (khu vực Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bà Rịa Vũng Tàu bao gồm cả các cảng Long An, Tiền Giang trên sông Soài Rạp, Bình Dương và Côn Đảo).**

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU:

✓ **Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới quy hoạch: điều kiện tự nhiên, KT-XH, định hướng chiến lược, quy hoạch tổng thể liên quan, v.v…**

✓**Xác định vai trò, vị thế của cảng biển trong nhóm đối với phát triển chung của vùng lãnh thổ; mối tương quan về tổng thể với Nhóm cảng biển số 5 và cả nước.**

PHẠM VI VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

✓Tổng hợp, phân tích đánh giá hiện trạng các cảng biển trong nhóm; xác định các tồn tại bất cập cần tập trung giải quyết.

✓Dự báo nhu cầu thị trường đối với các cảng biển trong nhóm trong từng giai đoạn 2015, 2020, 2030.

✓Lập quy hoạch chi tiết đến 2020, định hướng đến 2030.

✓Giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường (không phải ĐMC hoặc ĐTM).

✓Các giải pháp về cơ chế chính sách và tổ chức thực hiện quy hoạch.

✓Xây dựng bản đồ thể hiện nội dung, phương án quy hoạch cho toàn nhóm và từng cảng, khu bến chính thuộc nhóm.

THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TẬP 1: BÁO CÁO CHÍNH

- ✓Phần 1: Giới thiệu chung
- ✓Phần 2: Đặc điểm khu vực nghiên cứu
- ✓Phần 3: Đánh giá hiện trạng hệ thống cảng biển Nhóm 5
- ✓Phần 4: Dự báo nhu cầu
- ✓Phần 5: Quy hoạch phát triển
- ✓Phần 6: Đánh giá tác động môi trường, giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường
- ✓Phần 7: Cơ chế chính sách và giải pháp thực hiện

TẬP 3: BẢN VẼ QUY HOẠCH

NỘI DUNG QUY HOẠCH

Phần 1:

Đánh giá hiện trạng & Dự báo hàng hóa

HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	Tổng số bến cảng theo Quyết định 791	Bến	38
2	Tổng số bến cảng bổ sung so với Quyết định 791	Bến	10
3	Tổng số bến cảng hiện đang hoạt động	Bến	36
4	Tổng số bến cảng đang xây dựng	Bến	2
5	Tổng số bến cảng chưa triển khai	Bến	10
6	Tổng chiều dài bến tổng hợp, bến chuyên dụng	m	13.232,64
7	Tổng diện tích cảng tổng hợp	ha	599,44

HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

STT	Tên cảng	Phân loại cảng	Số lượng cầu cảng (chiếc)	Tổng chiều dài cầu cảng (m)	Cỡ tàu cập (DWT)	Diện tích chiếm đất (ha)	Sản lượng thực hiện năm 2009 (Tấn)
I	KHU BẾN CẢNG TRÊN SÔNG SÀI GÒN						
1	Bến cảng Tân Cảng	Container	4	733	5.000	31,89	
2	Cầu cảng Nhà máy Đóng tàu Ba Son	Chuyên dụng Đóng &S/C tàu	6	754	6.000-10.000	26,40	29.081
3	Bến cảng Sài Gòn	Tổng hợp	17	2.745	10.000-30.000	45,83	14.247.959
-	Cầu bến Nhà Rồng + Khánh Hội	Tổng hợp	10	1.254	10.000-30.000	24,91	
-	Các cầu bến khác	Tổng hợp	7	1.491	10.000-30.000	20,92	
4	Bến cảng Tân Thuận Đông	Tổng hợp	1	149	15.000	2,95	667.481
5	Bến cảng Bến Nghé	Tổng hợp	4	816	10.000-30.000	32,00	4.729.916

HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

STT	Tên cảng	Phân loại cảng	Số lượng cầu cảng (chiếc)	Tổng chiều dài cầu cảng (m)	Cỡ tàu cập (DWT)	Diện tích chiếm đất (ha)	Sản lượng thực hiện năm 2009 (Tấn)
I	KHU BẾN CẢNG TRÊN SÔNG SÀI GÒN						
6	Bến cảng Công ty Liên doanh phát triển Tiếp vận số 1 (VICT)	Container	4	678	15.000-20.000	28,26	3.160.248
7	Cầu cảng ELF GAS Sài Gòn	Chuyên dụng Gas	1	26	3.000	2,00	60.514
8	Cầu cảng Biển Đông	Tổng hợp	1	70	5.000	3,10	248.425
9	Cầu cảng Nhà máy Tàu biển Sài Gòn	Chuyên dụng Đóng &S/C tầu	1	123	10.000	11,36	536.925
10	Bến cảng Rau Quả	Tổng hợp	1	222	15.000	7,24	1.214.652
11	Bến cảng Bông Sen	Tổng hợp	2	275	16.000	6,00	1.019.415

HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

STT	Tên cảng	Phân loại cảng	Số lượng cầu cảng (chiếc)	Tổng chiều dài cầu cảng (m)	Cỡ tàu cập (DWT)	Diện tích chiếm đất (ha)	Sản lượng thực hiện năm 2009 (Tấn)
II	KHU BẾN CẢNG TRÊN SÔNG ĐỒNG NAI						
1	Cầu cảng Trạm nghiền Xi măng Phía Nam (Công ty Xi măng Hà Tiên I)	Chuyên dụng Xi Măng	1	205	20.000		124.608
2	Bến cảng Phú Hữu	Tổng hợp	2	320	30.000	24,00	
3	Bến cảng Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Container	1	216	30.000	6,27	
4	Cầu cảng Petec	Chuyên dụng Xăng dầu	1	206	25.000	12,60	847.455
5	Bến cảng Tân Cảng Cát Lái	Container	7	1.270	30.000	61,23	25.746.409
6	Cầu cảng Sài Gòn Shipyard	Chuyên dụng Đóng &S/C tầu	3	256	5.000	9,71	450
7	Cầu cảng Sài Gòn Petro	Chuyên dụng Xăng dầu	2	500	32.000	26,00	1.211.253
8	Cầu cảng Xi măng Sao Mai (Holcim Việt Nam)	Chuyên dụng Xi Măng	1	205	20.000	13,00	1.180.810

HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

STT	Tên cảng	Phân loại cảng	Số lượng cầu cảng (chiếc)	Tổng chiều dài cầu cảng (m)	Cỡ tàu cập (DWT)	Diện tích chiếm đất (ha)	Sản lượng thực hiện năm 2009 (Tấn)
III	KHU BẾN CẢNG TRÊN SÔNG NHÀ BÈ						
1	Bến cảng Dầu thực vật Navioil	Tổng hợp	1	174	10.000	15,80	165.619
2	Cầu cảng Nhà máy đóng tàu Shipmarine	Chuyên dụng Đóng &S/C tầu	1	100	6.500	6,00	
3	Cầu cảng Nhà máy Đóng tàu An Phú	Chuyên dụng Đóng &S/C tầu	1	50	5.000	5,00	
4	Cầu cảng Trường Cao đẳng Kỹ thuật nghiệp vụ Hàng Giang II		1	27	500	1,97	
5	Cầu cảng Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	Chuyên dụng Xăng dầu	8	740	25.000-30.000	94,00	5.013.530
6	Cầu cảng Petechim	Chuyên dụng Xăng dầu	2	325	5.000-25.000	8,90	524.272
7	Cầu cảng VK 102		1	60	10.000		145.263
8	Cầu cảng Xăng dầu Công ty Lâm Tài Chính	Chuyên dụng Xăng dầu	1	60	15.000	2,45	115.830

HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

STT	Tên cảng	Phân loại cảng	Số lượng cầu cảng (chiếc)	Tổng chiều dài cầu cảng (m)	Cỡ tàu cập (DWT)	Diện tích chiếm đất (ha)	Sản lượng thực hiện năm 2009 (Tấn)
IV	KHU BẾN CẢNG TRÊN SÔNG SOÀI RẠP						
1	Cầu cảng Trạm nghiền Xi măng Cotec	Chuyên dụng Xi Măng	1	70	15.000	3,70	
2	Cầu cảng Trạm nghiền Xi măng Fico	Chuyên dụng Xi Măng	1	200	20.000	10,26	117.992
3	Cầu cảng Trạm nghiền Xi măng Chifon	Chuyên dụng Xi Măng	1	179	15.000	11,33	414.337
4	Cầu cảng Nhà máy điện Hiệp Phước	Chuyên dụng Xăng dầu	1	300	30.000	45,50	172.985
5	Cầu cảng Xi măng Nghi Sơn	Chuyên dụng Xi Măng	1	204	20.000	7,90	1.332.489
6	Bến cảng Container Trung tâm Sài Gòn (SPCT)	Container	2	500	50.000	23,00	190.206
7	Cầu cảng Calofic	Chuyên dụng	1	159	20.000		

HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

STT	Tên cảng	Phân loại cảng	Số lượng cầu cảng (chiếc)	Tổng chiều dài cầu cảng (m)	Cỡ tàu cập (DWT)	Diện tích chiếm đất (ha)	Sản lượng thực hiện năm 2009 (Tấn)
IV	KHU BẾN CẢNG TRÊN SÔNG SOÀI RẠP						
8	Cầu cảng Xí nghiệp Bột giặt Tico	Chuyên dụng Hoá chất	1	146	10.000-15,000	3,00	
9	Cầu cảng Trạm nghiền Xi măng Hạ Long	Chuyên dụng Xi Măng	1	170	15.000	10,80	100.977
V	KHU BẾN PHAO TRÊN SÔNG NGÃ BẢY - THIỀNG LIỀNG						
1	Khu bến phao chuyển tải	Tổng hợp			60.000		113.500

HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN

TỈNH ĐỒNG NAI & BÌNH DƯƠNG

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	Tổng số bến cảng theo Quyết định 791	Bến	25
2	Tổng số bến cảng bổ sung so với Quyết định 791	Bến	16
3	Tổng số bến cảng hiện đang hoạt động	Bến	15
4	Tổng số bến cảng đang xây dựng	Bến	0
5	Tổng số bến cảng chưa triển khai	Bến	26
6	Tổng chiều dài bến tổng hợp, bến chuyên dụng	m	2.469
7	Tổng diện tích cảng tổng hợp	ha	46

HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN

TỈNH ĐỒNG NAI & BÌNH DƯƠNG

STT	Tên cảng	Phân loại cảng	Số lượng cầu cảng (chiếc)	Tổng chiều dài cầu cảng (m)	Cỡ tàu cập (DWT)	Diện tích chiếm đất (ha)	Sản lượng thực hiện năm 2009 (Tấn)
I	KHU BẾN CẢNG TRÊN SÔNG ĐỒNG NAI						
1	Bến cảng Bình Dương	Tổng hợp	1	110	1.000-5.000	7,30	1.260.000,00
2	Bến cảng Đồng Nai (Phân cảng Long Bình Tân)	Tổng hợp	3	170	2.000-5.000	8,33	
3	Cầu cảng SCT Gas Việt Nam	Chuyên dụng Gas	1	302	1.000	3,00	
4	Cầu cảng VT Gas	Chuyên dụng xăng dầu	1	120	1.000	4,49	
II	KHU BẾN CẢNG TRÊN SÔNG NHÀ BÈ						
1	Cầu cảng Gỗ Mảnh Phú Đông	Chuyên dụng gỗ	1	146	25.000	9,30	111.300,00
2	Cầu cảng Xăng dầu Phước Khánh	Chuyên dụng xăng dầu	1	220	25.000	13,00	
3	Bến Sà lan Phan Vũ	Chuyên dụng			1.000		

HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN

TỈNH ĐỒNG NAI & BÌNH DƯƠNG

STT	Tên cảng	Phân loại cảng	Số lượng cầu cảng (chiếc)	Tổng chiều dài cầu cảng (m)	Cỡ tàu cập (DWT)	Diện tích chiếm đất (ha)	Sản lượng thực hiện năm 2009 (Tấn)
III	KHU BẾN CẢNG TRÊN SÔNG LÒNG TÀU						
1	Bến cảng Xi măng Lafarge	Chuyên dụng xi măng	1	201	30.000	6,38	
2	Cầu cảng công ty TNHH Hóa dầu AP Việt Nam	Chuyên dụng xăng dầu	1	150	15.000		
3	Cầu cảng Gỗ mảnh Viko Wochimex	Chuyên dụng	1	180	15.000	7,26	
IV	KHU BẾN CẢNG TRÊN SÔNG THỊ VẢI						
1	Cầu cảng Phước Thái (Vedan)	Chuyên dụng	2	340	10.000-12.000	120,00	
2	Bến cảng Đồng Nai (Phân cảng Gò Dầu A)	Tổng hợp	1	170	2.000	17,60	
3	Cầu cảng Super Phosphate Long Thành	Chuyên dụng	1	50	10.000	11,30	
4	Cầu cảng Nhà máy Unique Gas	Chuyên dụng	1	130	6.500	1,80	
5	Bến cảng Đồng Nai (Phân cảng Gò Dầu B)	Tổng hợp	1	180	6.500-12.000	8,50	

HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN

TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	Tổng số bến cảng theo Quyết định 791	Bến	32
2	Tổng số bến cảng bổ sung so với Quyết định 791	Bến	22
3	Tổng số bến cảng hiện đang hoạt động	Bến	23
4	Tổng số bến cảng đang xây dựng	Bến	5
5	Tổng số bến cảng chưa triển khai	Bến	26
6	Tổng chiều dài bến tổng hợp, bến chuyên dụng	m	6.995,8
7	Tổng diện tích cảng tổng hợp	ha	350,9

HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN

TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

STT	Tên cảng	Phân loại cảng	Số lượng cầu cảng (chiếc)	Tổng chiều dài cầu cảng (m)	Cỡ tàu cập (DWT)	Diện tích chiếm đất (ha)	Sản lượng thực hiện năm 2009 (Tấn)
I	KHU BẾN CẢNG TRÊN SÔNG CÁI MÉP - THỊ VẢI						
1	Cầu cảng Trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả	Chuyên dụng xi măng	1	186	15.000	9,17	
2	Cầu cảng dầu Nhà máy điện Phú Mỹ	Chuyên dụng xăng dầu	2	412	10.000	-	
3	Cầu cảng Nhà máy nghiền Xi măng Thị Vải (Holcim)	Chuyên dụng xi măng	1	246	50.000	18,00	
4	Bến cảng Phú Mỹ - Bà Rịa Serece	Tổng hợp	2	453	60.000	23,03	3.132.615
5	Cầu cảng Đạm và Dịch vụ Dầu khí	Chuyên dụng Đạm	1	384,3	50.000	27,46	
6	Cầu cảng Nhà máy Thép Phú Mỹ	Chuyên dụng Thép	1	230	50.000	22,00	
7	Bến cảng Quốc tế SP-PSA	Container	2	600	50.000-80.000	28,20	21.320

HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN

TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

STT	Tên cảng	Phân loại cảng	Số lượng cầu cảng (chiếc)	Tổng chiều dài cầu cảng (m)	Cỡ tàu cập (DWT)	Diện tích chiếm đất (ha)	Sản lượng thực hiện năm 2009 (Tấn)
I	KHU BẾN CẢNG TRÊN SÔNG CÁI MÉP - THỊ VẢI						
8	Bến cảng Posco	Chuyên dụng Thép	2	333	45.000	27,70	
9	Cầu cảng Interflour	Chuyên dụng Nông sản	1	300	75.000	7,57	395.778
10	Bến cảng Container Tân Cảng Cái Mép	Container	1	380	110.000	61,18	1.021.251
11	Cầu cảng LPG Cái Mép	Chuyên dụng LPG, condensate	2	362	2.000-30.000	40,00	
II	KHU BẾN CẢNG TRÊN SÔNG DINH VÀ VỊNH GÀNH RÁI						
1	Bến cảng Thương mại (phân cảng Cát Lở)	Tổng hợp, Thuỷ sản	2	250	1.000-5.000	5,40	
2	Cầu cảng Dầu K2	Tổng hợp	1	162	5.000	0,12	

HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN

TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

STT	Tên cảng	Phân loại cảng	Số lượng cầu cảng (chiếc)	Tổng chiều dài cầu cảng (m)	Cỡ tàu cập (DWT)	Diện tích chiếm đất (ha)	Sản lượng thực hiện năm 2009 (Tấn)
II	KHU BẾN CẢNG TRÊN SÔNG DINH VÀ VỊNH GÀNH RÁI						
3	Bến cảng KCN Đông Xuyên	Tổng hợp					
-	Cầu cảng Vina Offshore		1	158	10.000	1,82	
-	Cầu cảng Xí nghiệp Xăng dầu Thắng Lợi	Chuyên dụng xăng dầu	1	156	10.000	2,00	
4	Cầu cảng VietsovPetro	Dịch vụ dầu khí	10	1377	10.000	53,05	
5	Cầu cảng dịch vụ dầu khí PTSC	Dịch vụ dầu khí	9	820	5.000-10.000	21,80	
III	KHU BẾN CẢNG CÔN ĐẢO						
1	Bến cảng Bến Đầm	Tổng hợp và hành khách	3	186,5	2.000	2,40	

HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN

TỈNH LONG AN & TIỀN GIANG

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	Tổng số bến cảng theo Quyết định 791	Bến	2
2	Tổng số bến cảng bổ sung so với Quyết định 791	Bến	2
3	Tổng số bến cảng hiện đang hoạt động	Bến	0
4	Tổng số bến cảng đang xây dựng	Bến	0
5	Tổng số bến cảng chưa triển khai	Bến	4
6	Tổng chiều dài bến tổng hợp, bến chuyên dụng	m	0
7	Tổng diện tích cảng tổng hợp	ha	0

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA QUA CẢNG

TT	Tên bến cảng, phao	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	Tăng B/q
A	**Cảng Tp Hồ Chí Minh**	**31.779**	**35.032**	**39.037**	**43.582**	**51.993**	**56.134**	**67.583**	**13,40%**
I	Hàng khô	16.235	15.993	17.590	16.965	17.967	19.235	29.146	10,24%
II	Hàng Container	15.545	19.039	21.446	26.618	34.026	36.899	38.437	16,29%
B	**Cảng Bà Rịa Vũng Tàu**	**1,333**	**1,777**	**4,334**	**4,406**	**6,081**	**7,807**	**9,503**	**38.73%**
I	Hàng khô	1,333	1,777	4,334	4,406	6,081	7,807	8,445	36.03%
II	Hàng Container	0	0	0	0	0	0	1,057	
C	**Cảng Đ Nai &B Dương**	**1,218**	**1,860**	**2,141**	**2,398**	**3,445**	**3,910**	**2,880**	**15.42%**
I	Hàng khô	1,218	1,418	1,341	1,417	2,653	2,647	2,220	
II	Hàng Container	0	442	800	980	792	1,263	660	
D	**Tổng Cộng**	**34,330**	**38,669**	**45,512**	**50,386**	**61,519**	**67,851**	**79,966**	**15.13%**
I	Hàng khô	18,785	19,188	23,265	22,788	26,701	29,688	39,812	13.34%
II	Hàng Container	15,545	19,481	22,247	27,598	34,818	38,162	40,154	17.14%

CỠ TÀU RA VÀO CẢNG

Cỡ, trọng tải tàu ra vào nhóm cảng biển số 5 hầu hết theo QHCT đã được phê duyệt. Tại một số bến/khu bến đã nghiên cứu dẫn tàu có trọng tải lớn hơn vào và rời bến thành công. Cụ thể:

- ✓ **Cảng Tp. Hồ Chí Minh:**
  - **+ Khu vực sông Sài Gòn: Tàu trọng tải đến 20.000DWT.**
  - **+ Các khu vực khác: Tàu trọng tải đến 30.000DWT.**
- ✓ **Cảng Đồng Nai:**
  - **+ Khu vực Long Bình Tân: Tàu trọng tải đến 3.000DWT.**
  - **+ Khu vực Gò Dầu: Tàu trọng tải đến 15.000DWT.**
- ✓ **Cảng Bà rịa – Vũng tàu:**
  - **+ Khu vực Cái Mép: Tàu trọng tải đến 80.000DWT.**
  - **+ Khu vực Thị Vải: Tàu trọng tải đến 116.000DWT.**
  - **+ Khu vực Gò Dầu: Tàu trọng tải đến 15.000DWT.**
  - **+ Khu vực sông Dinh: Tàu trọng tải đến 10.000DWT**

CƠ SỞ HẠ TẦNG KẾT NỐI CẢNG

LUỒNG TÀU:

TT	Tên luồng	Thông số kỹ thuật		
		Dài (Km)	Rộng (m)	Sâu (m)
1	Sài Gòn - Vũng Tàu	91	150	-8,50
2	Soài Rạp: - Đoạn Bình Khánh - Đoạn từ cửa biển vào HP	72 11 61,2	 150 80 - 120	 -8,50 7,0 (9,50)
3	Sông Dinh	10	60	-6,70
4	Đồng Nai	11	80	-8,40
5	Vũng Tàu - Thị Vải - Đoạn Vũng Tàu – Cái Mép - Đoạn Cái Mép – Phú Mỹ - Đoạn Phú Mỹ - Gò Dầu	47 26,1 11,2 9,7	 310 - 410 260 - 420 80	 -14,00 -12,00 -7,25

CƠ SỞ HẠ TẦNG KẾT NỐI CẢNG

ĐƯỜNG BỘ:

Số TT	Đường	Chủ đầu tư	Quy mô		Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ thực hiện
			Chiều dài (km)	Bề rộng (làn)			
1	Mở rộng QL 51	Công ty Cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu (BVEC)	72,7	6 cơ giới + 2 hỗn hợp	3.200	BOT	2/2012
2	Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu	BVEC	76	4 - 6	15.000	BOT	2015 (GĐ 1)
3	Cao tốc Tp. HCM – Long Thành – Dầu Giây	Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)	55	8 - 12	18.882	ODA Nhật Bản, ADB và vốn đối ứng của VEC	2014
4	Liên cảng Cái Mép – Thị Vải	Sở GTVT tỉnh BRVT	21,3	6 - 8	2.838 (GĐ 1)	Trái phiếu chính phủ	2012 (GĐ 1)
5	Đường 965	Bộ GTVT Ban QLDA 85	8,5	4 - 6	1.500	ODA Nhật Bản	11/2011
6	Trục B-N đi Hiệp Phước	Sở GTVT Tp. HCM	10,2	6	1.200	Ngân sách TP	01/2010
7	Liên cảng Ông Kéo – Phú Hữu	Sở GTVT Đồng Nai	13,8	6 làn ô tô + 2 song hành		Dự kiến Trái phiếu CP	

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN NHÓM 5

HỆ THỐNG CẢNG BIỂN:

✓ Hầu hết các cảng biển trong nhóm đều được đầu tư phát triển theo QHCT đã được phê duyệt. Do một số nguyên nhân khách quan, tiến độ di dời cảng không đáp ứng được tiến độ dự kiến.

✓ Các cảng thuộc hệ thống cảng biển Nhóm 5 hiện nay vẫn chủ yếu tập trung tại Tp. HCM với gần 50% số lượng bến cảng/ cầu cảng. Khối lượng hàng hóa vẫn tăng trưởng ở mức cao, trung bình đạt khoảng 15% hàng năm. Tuy nhiên, khối lượng hàng qua từng cụm cảng phân bổ không đồng đều theo dự báo.

✓ Sau khi QHCT nhóm cảng biển số 5 được phê duyệt, luật Hàng hải mới sửa đổi, VN gia nhập WTO thì các dự án cảng biển tại Bà rịa – Vũng tàu bắt đầu được triển khai mạnh mẽ với sự tham gia của nhiều tập đoàn hàng đầu thế giới về vận tải và khai thác cảng biển. Dự án Cảng CM-TV sử dụng vốn ODA được triển khai thực sự đóng vai trò thúc đẩy tốc độ đầu tư cảng biển trong khu vực.

✓ Các cảng tổng hợp, container chuyên dụng được đầu tư phát triển nhanh chóng. Các cảng biển mới xây dựng hầu hết được đầu tư đồng bộ, trang bị hiện đại.

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN NHÓM 5

CƠ SỞ HẠ TẦNG KẾT NỐI:

Hệ thống luồng tàu biển ra vào các cảng:

✓ **Tuyến luồng Vũng Tàu - Sài Gòn vẫn đóng vai trò là tuyến luồng hàng hải chính trong nhóm, được duy trì nạo vét đảm bảo cho tàu ra vào cảng Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai.**

✓ **Tuyến luồng Soài Rạp đã từng bước được nghiên cứu và nạo vét. Giai đoạn II - đợt 1 (năm 2007) nạo vét đến độ sâu -7,0m (hệ cao độ Hải đồ - CDL) qua hơn 1 năm quan trắc cho kết quả rất khả quan. Gói thầu nạo vét đợt 2 - Giai đoạn II - nạo vết đến độ sâu -9,5m (CDL) đang được tổ chức chọn nhà thầu thi công.**

✓ **Tuyến luồng Vũng Tàu - Thị Vải đang được triển khai nạo vét (sử dụng vốn ODA trong dự án Cảng Quốc tế Cái Mép - Thị Vải) và dự kiến sẽ hoàn tất vào năm 2011.**

Dưới sự chủ trì của Cục Hàng hải Việt Nam, sự tham gia phối hợp của các cơ quan liên quan, năm 2010 đã tổ chức dẫn thành công nhiều tàu container trọng tải đến 116.000DWT (chiều dài đến 367m, rộng đến 43m) vào và rời bến cảng SP-PSA.

✓ **Tuy nhiên, việc cải tạo hệ thống luồng tàu hiện đang chậm so với sự phát triển của hệ thống cảng. Điển hình là tuyến luồng Soài Rạp, việc nạo vét đến độ sâu -9,5m hiện giờ mới đang triển khai đấu thầu trong khi cảng SPCT đã đi vào hoạt động hơn 1 năm nay; tuyến luồng Vũng Tàu - Thị Vải hiện đang thi công nạo vét trong khi các cảng Tân Cảng Cái Mép; SP-PSA; SITV đã đi vào hoạt động. Bên cạnh đó, hành lang pháp lý trong việc công bố luồng vẫn còn chậm, chẳng hạn cảng Phú Mỹ (Baria Serece) đã tiếp nhận tàu đến 60.000DWT từ nhiều năm nay nhưng về mặt pháp lý thì luồng vào cảng Phú Mỹ mới chỉ công bố cho tàu đến 30.000DWT.**

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN NHÓM 5

CƠ SỞ HẠ TẦNG KẾT NỐI:

Mạng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ:

Một số tuyến giao thông liên vùng quan trọng đã được đầu tư xây dựng và hoàn thành đưa vào khai thác như tuyến Xuyên Á; tuyến cao tốc Sài Gòn - Trung Lương,…

Hầu hết các dự án quan trọng khác về đường bộ liên vùng đã được khởi công xây dựng như dự án cải tạo mở rộng Quốc lộ 51; đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải; đường 965 (thuộc dự án Cảng Quốc tế Cái Mép - Thị Vải); tuyến trục Bắc - Nam thành phố (đường Nguyễn Hữu Thọ) vào khu công nghiệp Hiệp Phước; tuyến cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây;

Mạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động khai thác cảng:

- Mạng lưới cấp điện, cấp nước cho các cảng khu vực dọc sông Thị Vải đã từng bước được đầu tư, phù hợp với tiến độ đưa các cảng vào hoạt động.

- Mạng lưới cấp điện, cấp nước vào khu công nghiệp Hiệp Phước và cảng biển Hiệp Phước cũng đã được đầu tư một phần.

Nói chung, mạng cơ sở hạ tầng giao thông bộ, đặc biệt là các tuyến kết nối với cảng tuy đã được chú trọng phát triển nhưng hầu hết đều được đầu tư chậm so với tốc độ đầu tư các cảng. Không chỉ thiếu đường bộ vào các cảng trong giai đoạn thi công xây dựng cảng mà nhiều cảng khi đi vào hoạt động vẫn phải sử dụng đường tạm, điều này hạn chế rất nhiều hoạt động khai thác của các cảng biển mới.

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN NHÓM 5

CƠ SỞ HẠ TẦNG KẾT NỐI:

Mạng Đường sắt:

Các dự án đường sắt đã được nghiên cứu trong QHCT đều chưa được triển khai đầu tư, trong đó có các tuyến đường sắt quan trọng như tuyến Biên Hòa – Vũng Tàu (kết nối với khu cảng Cái Mép – Thị Vải); tuyến đường sắt vào khu Hiệp Phước (Tp.HCM),…

Mạng Đường thủy nội địa:

- Hai tuyến đường thủy quốc gia kết nối nhóm cảng biển số 5 và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đã được xây dựng hoàn tất.

- Các tuyến ĐTNĐ kết nối cảng TP.HCM và Bà rịa – Vũng tàu chưa được đầu tư hoàn chỉnh nhưng đã có thể phục vụ kịp thời vận chuyển hàng hóa từ khu vực Tp.HCM ra các cảng khu vực Cái Mép – Thị Vải

MỘT SỐ HẠN CHẾ, BẤT CẬP KHÁC

✓ Tuy đã đạt được một số thành tựu nhưng nhìn chung quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển nhóm cảng số 5 vẫn còn một số hạn chế bất cập, như sau:

✓ Thiếu tính đồng bộ giữa cảng biển với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài cảng (mạng đường bộ, mạng cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, đầu mối dịch vụ hậu cần cảng); Hạ tầng ngoài cảng luôn đầu tư chậm so với đầu tư xây dựng cảng.

✓ Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý chuyên ngành về hàng hải và địa phương có cảng biển vẫn còn bất cập. Điển hình là việc phối hợp đảm bảo an toàn hàng hải trên các con sông có tuyến luồng cho tàu biển ra vào chưa được phân định rõ ràng dẫn đến việc các hoạt động đánh bắt cá, đăng đáy vẫn còn tồn tại tiềm ẩn các nguy cơ tai nạn trên tuyến luồng hàng hải.

✓ Hệ thống Logistics trong vùng còn yếu kém, chỉ mới đảm nhận được một số khâu trong toàn bộ quá trình hoạt động logistics. Tại nhóm cảng biển số 5, các cảng cạn ICD đang tập trung tại khu vực Tp. Hồ Chí Minh và Biên Hòa, Bình Dương mà chưa phát triển ra các khu vực mới như Cái Mép - Thị Vải (Bà rịa - Vũng tàu), Hiệp Phước (Tp. Hồ Chí Minh) để có thể kịp thời hỗ trợ cho các cảng mới sắp đưa vào khai thác, nhằm đảm nhận vai trò là trung tâm tiếp nhận, bảo quản, phân phối hàng hóa, đầu mối quan trọng của hệ thống logistics, kết nối cảng với mạng giao thông quốc gia trong quá trình phân phối và tiếp nhận.

DỰ BÁO HÀNG HÓA NHÓM 5
(Theo QHTT đã được phê duyệt)

TT	Danh mục	Đơn vị	Năm		
			2015	2020	2030
A	**Phương án cao**				
I	**Hàng hóa**	**Triệu T**	**230,40**	**355,31**	**772,47**
1	Hàng tổng hợp	Triệu T	160,50	257,8	600,10
2	Than quặng	Triệu T	2,7	4,5	6,6
3	Hàng lỏng	Triệu T	36,8	42,1	43,3
4	Hàng quá cảnh	Triệu T	30,40	50,91	122,47
II	**Hành khách**	**10^3 HK**	**413,6**	**539,4**	**1,335,8**
B	**Phương án cơ bản**				
I	**Hàng qua cảng**	**Triệu T**	**210,85**	**304,93**	**575,88**
1	Hàng tổng hợp	Triệu T	144,88	222,86	445,06
2	Than quặng	Triệu T	2,7	4,5	6,51
3	Hàng lỏng	Triệu T	36,8	37,2	43,3
4	Hàng quá cảnh	Triệu T	26,47	40,37	81,01
II	**Hành khách**	**10^3 HK**	**338,6**	**418,2**	**917,1**
C	**Phương án thấp**				
1	**Hàng qua cảng**	Triệu T	**193,88**	**262,38**	**433,29**
1	Hàng tổng hợp	Triệu T	131,50	188,80	330,29
2	Than quặng	Triệu T	2,7	4,5	6,51
3	Hàng lỏng	Triệu T	36,8	37,2	43,3

DỰ BÁO HÀNG HÓA QUA NHÓM CẢNG SỐ 5

TT	Hạng mục	TH 2009	Năm			Tăng B/q 2011-2020	Kịch bản
			2015	2020	2030		
1	Khối lương hàng container thông qua cảng Nhóm 5	3.600 (x10^3 TEU)	12.013	20.701	51.326	16,7%	Cao
			10.500	17.277	36.164	14,9%	Cơ bản
			9.465	14.680	27.346	13,3%	Thấp
2	Khối lượng hàng khô (ngoài container) thông thường qua cảng Nhóm 5	39.812 (x10^3 T)	58.415	80.405	152.337	6,6%	Cao
			55.905	73.644	126.675	5,8%	Cơ bản
			50.676	60.512	83.865	3,9%	Thấp
3	Tổng khối lượng hàng khô (gồm cả container) thông qua cảng Nhóm 5	79.966 (x10^3 T)	190.560	308.119	716.923	12,8%	Cao
			171.403	263.693	524.479	11,3%	Cơ bản
			154.792	221.992	384.671	9,5%	Thấp
4	Tỉ lệ container hóa tương ứng với các phương án hàng khô Sơ bộ tính 1TEU = 11,0 T	49,52%	69,3%	73,9%	78,8%		Cao
			67,4%	72,1%	75,8%		Cơ bản
			67,3%	72,7%	78,2%		Thấp

DỰ BÁO HÀNH KHÁCH QUAN NHÓM CẢNG SỐ 5

TT	Khách đến	Đơn vị	TH 2009	Phương án cơ bản			Phương án cao		
				2015	2020	2030	2015	2020	2030
1	Tp Hồ Chí Minh	10^3 HK	73.1	164.2	202.8	444.7	200.5	261.5	647.7
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	10^3 HK	77.6	174.4	215.4	472.4	213.1	277.9	688.1
	Tổng số	10^3 HK	150.7	338.6	418.2	917.1	413.6	539.4	1,335.8

DỰ BÁO ĐỘI TÀU

Trên cơ sở phân tích xu hướng phát triển của đội tàu biển trên thế giới, khả năng cải tạo các tuyến luồng tàu biển ra vào các bến cảng trong nhóm và thực tế thử nghiệm dẫn tàu vào các bến cảng cũng như các dự án phát triển luồng tàu. Dự báo đội tàu ra vào Nhóm cảng biển số 5 sẽ như sau:

✓ **Cảng Bà Rịa - Vũng Tàu:**

+ **Khu Vũng Tàu, Cái Mép: Tàu container 160.000-200.000DWT;**
+ **Khu Thị Vải: Tàu container 100.000-120.000DWT;**
+ **Khu Mỹ Xuân: Tàu container có trọng tải đến 60.000DWT;**
+ **Khu Gò Dầu C: Tàu container có trọng tải đến 30.000DWT;**
+ **Khu Sông Dinh: Tàu container có trọng tải đến 10.000DWT.**

✓ **Cảng Đồng Nai:**

+ **Khu Phước An: Tàu container có trọng tải đến 60.000DWT;**
+ **Khu Gò Dầu: Tàu container có trọng tải đến 30.000DWT;**
+ **Khu Phú Hữu - Ông Kèo: Tàu container có trọng tải đến 30.000DWT;**
+ **Khu Long Bình Tân: Tàu container có trọng tải đến 5.000DWT.**

✓ **Cảng Tp. Hồ Chí Minh:**

+ **Khu Cát Lái: Tàu container có trọng tải đến 30.000DWT;**
+ **Khu Nhà Bè: Tàu container có trọng tải đến 30.000DWT;**
+ **Khu Hiệp Phước: Tàu container có trọng tải 50.000-70.000DWT;**

NỘI DUNG QUY HOẠCH

Phần 2:

Quy hoạch phát triển

QUY HOẠCH PHÂN KHU CHỨC NĂNG

Theo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam, phân loại và chức năng của nhóm cảng biển Đông Nam Bộ như sau :

✓ Cảng Vũng Tàu - Bà Rịa Vũng Tàu: Là cảng tổng hợp quốc gia, cửa ngõ quốc tế (loại IA). Gồm các khu bến chức năng:

+ Cái Mép, Sao Mai - Bến Đình là khu bến chính của cảng, chủ yếu làm hàng container xuất nhập khẩu trên tuyến biển xa cho tàu 8 ÷ 10 vạn DWT, 6.000 ÷ 8.000 TEU.

+ Phú Mỹ, Mỹ Xuân : chủ yếu làm hàng tổng hợp container cho tàu trọng tải 5 ÷ 8 vạn DWT và 4.000 ÷ 6.000 TEU; có một số bến chuyên dùng phục vụ cơ sở công nghiệp, dịch vụ ven sông.

+ Long Sơn: chức năng chính là chuyên dùng của liên hợp lọc hóa dầu, có bến nhập nhập dầu thô cho tàu 30 vạn DWT, bến tàu 3 ÷ 5 vạn DWT nhập nguyên liệu khác và xuất sản phẩm. Phần đường bờ phía Đông Nam dành để xây dựng bến làm hàng tổng hợp phục vụ chung cho phát triển lâu dài của khu vực.

+ Bến khách tại Sao Mai - Bến Đình là đầu mối tiếp nhận tàu khách du lịch quốc tế đến 10 vạn GRT cho toàn vùng.

QUY HOẠCH PHÂN KHU CHỨC NĂNG

✓ **Thành phố Hồ Chí Minh: Là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (Loại I). Gồm các khu bến chức năng chính:**

+ Hiệp Phước (trên sông Soài Rạp) là khu bến chính của cảng, chủ yếu làm hàng tổng hợp container cho tàu 5 vạn DWT và 4.000 TEU, có một số bến chuyên dùng cho tàu trọng tải 2 ÷ 3 vạn DWT phục vụ trực tiếp cơ sở công nghiệp.

+ Cát Lái (trên sông Đồng Nai) là bến container chính của cảng trong giai đoạn trước mắt, cho tàu 2 - 3 vạn DWT.

+ Các bến trên sông Sài Gòn, Nhà Bè: di dời chuyển đổi công năng theo quyết định 791/QĐ - TTg ngày 12 tháng 8 năm 2005; cải tạo nâng cấp (không mở rộng) các bến trên sông Nhà Bè cho tàu đến 3 vạn DWT. Xây dựng mới bến khách cho tàu đến 6 vạn GRT tại Phú Thuận (hạ lưu cầu Phú Mỹ); chuyển đổi một phần bến Khánh Hội làm bến khách nội địa và trung tâm dịch vụ hàng hải.

✓ **Đồng Nai: Cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (Loại I). Gồm các khu bến chức năng :**

✓Phước An, Gò Dầu (trên sông Thị Vải) là khu bến chính của cảng, chủ yếu làm hàng tổng hợp container cho tàu đến 6 vạn DWT (Phước An) và 3 vạn DWT (Gò Dầu), có một số bến chuyên dùng của cơ sở công nghiệp dịch vụ ven sông.

✓Phú Hữu, Nhơn Trạch (trên sông Đồng Nai, Nhà Bè, Lòng Tàu) là khu bến chuyên dùng, có một số bến tổng hợp cho tàu 1 ÷ 3 vạn DWT.

✓ **Ngoài ra quy hoạch một số bến chuyên dùng, vệ tinh cho các cảng chính như bến chuyên dùng cho tàu khách, tàu hàng 5.000 ÷ 10.000 DWT tại Côn Đảo; các cảng vệ tinh nhỏ trên các nhánh sông Soài Rạp, Lòng Tàu, Đồng Nai….**

TIÊU CHÍ QUY HOẠCH

Quy hoạch chi tiết Nhóm cảng biển số 5 đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được thiết lập theo các nguyên tắc sau:

- Về cơ bản cần bám sát Quy hoạch tổng thể hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 2190/QĐ-TTg ngày 24/12/2009. Phù hợp với Chiến lược biển của Việt Nam đến năm 2020.

- Tận dụng tối đa tài nguyên mặt đất, mặt nước phát triển cảng biển phục vụ phát triển kinh tế. Hướng mạnh ra biển để nhanh chóng tiếp cận với biển xa, giảm thiểu khó khăn trở ngại về luồng tàu vào cảng; đồng thời kết hợp chặt chẽ và tạo động lực phát triển các khu kinh tế, đô thị ven biển.

- Ưu tiên dành quỹ mặt đất, mặt nước quy hoạch phát triển các bến cảng tổng hợp, container hoặc các cảng cho hàng chuyên dùng có tính chất phục vụ cả vùng.

- Phát triển cụm cảng với quy mô đồng bộ: Tuyến bến, kích thước bến, quy mô cỡ tàu ra vào cảng, cao độ mặt bến và độ sâu đáy bến, các yếu tố kỹ thuật đồng bộ, cơ sở dịch vụ hàng hải phục vụ hệ thống cảng. Công nghệ, thiết bị sử dụng trên cảng cần đảm bảo yếu tố hiện đại...

- Gắn liền quy hoạch phát triển cảng với quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng công cộng cảng biển như luồng hàng hải, khu quay vòng, vũng đợi tàu, hệ thống thông tin tín hiệu hàng hải.....

- Quy hoạch phát triển đồng bộ với hạ tầng giao thông và hạ tầng kỹ thuật ngoài cảng. Đảm bảo khi cảng xây dựng xong phải kết nối ngay được với mạng lưới hạ tầng ngoài cảng phục vụ khai thác.

TIÊU CHÍ QUY HOẠCH

- Cỡ tàu ra vào cảng: Nghiên cứu cỡ tàu ra vào các khu bến cảng phù hợp với sự phát triển của đội tàu biển trên thế giới và khả năng đáp ứng cũng như khả năng cải tạo mở rộng các tuyến luồng vào cảng.
- Chú trọng phát triển các đầu mối logistic sau cảng hỗ trợ cho hoạt động cảng biển.
- Quy hoạch phát triển cảng biển cần phải phù hợp với quy hoạch phát triển không gian vùng, quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các quy hoạch ngành liên quan khác.
- Tận dụng tối đa mọi nguồn lực trong xã hội, đặc biệt từ khu vực tư nhân và FDI để phát triển cảng biển và cơ sở hạ tầng công cộng cảng biển.
- Phát triển cảng cần đảm bảo yếu tố bền vững, trong đó gắn phát triển cảng biển với việc bảo vệ môi trường, bảo tồn sinh thái thiên nhiên và không gây tác động xấu đến các hoạt động xã hội dân sinh trong khu vực.
- Gắn liền quy hoạch phát triển cảng với đảm bảo an ninh quốc phòng.
- Riêng đối với hệ thống cảng Vũng Tàu - Thị Vải trên địa bàn tỉnh Bà rịa - Vũng tàu, sẽ nghiên cứu theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ trong chuyến thăm và làm việc với tỉnh Bà rịa - Vũng tàu (tháng 8/2010) là cần xem xét quy hoạch phát triển khu vực Vũng Tàu - Cái Mép Thị Vải thành một cụm cảng trung chuyển container quốc tế.

QUI HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÓM CẢNG BIỂN SỐ 5

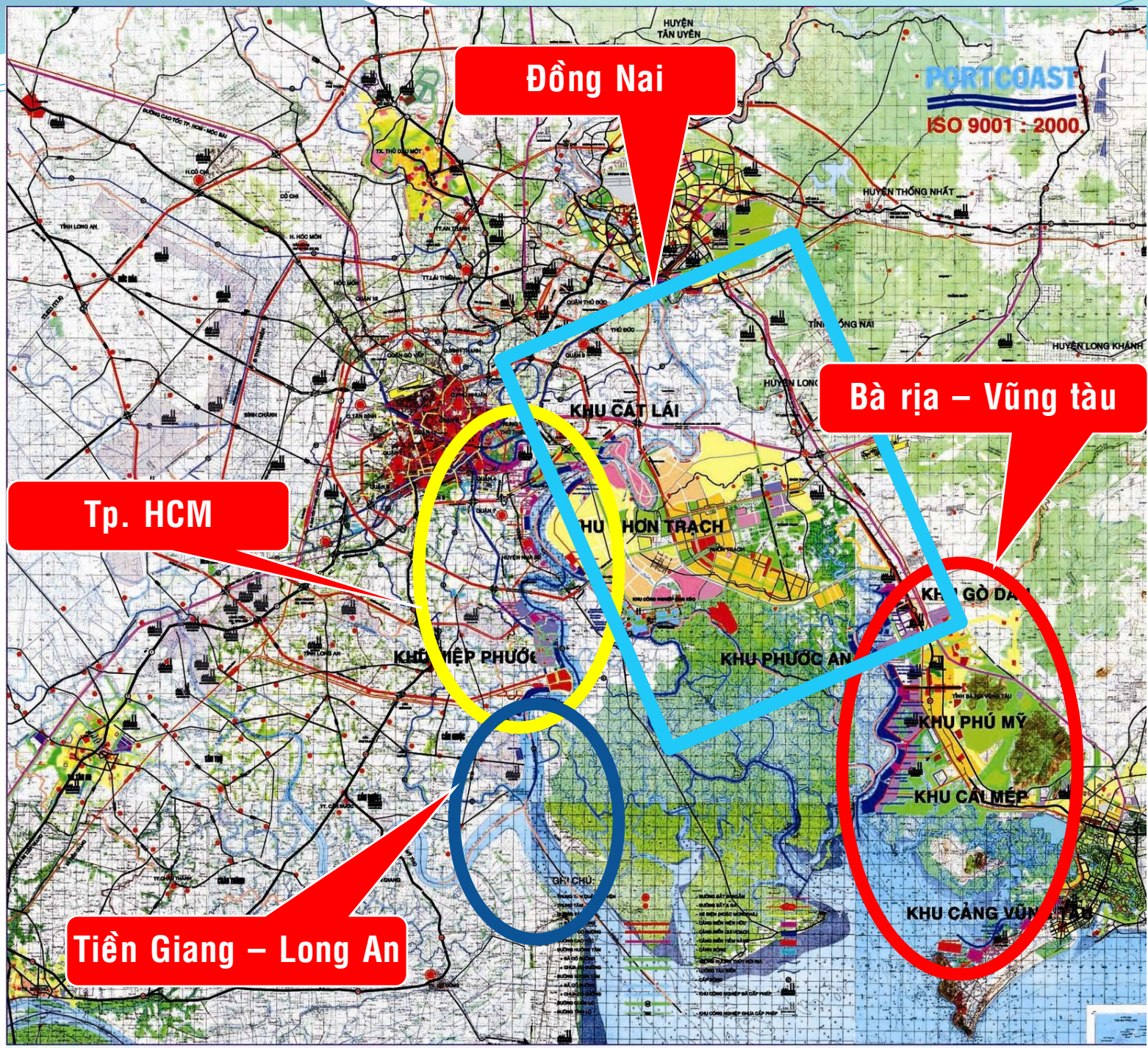

QUY HOẠCH CẢNG TP.HCM (TRÊN SÔNG SÀI GÒN)

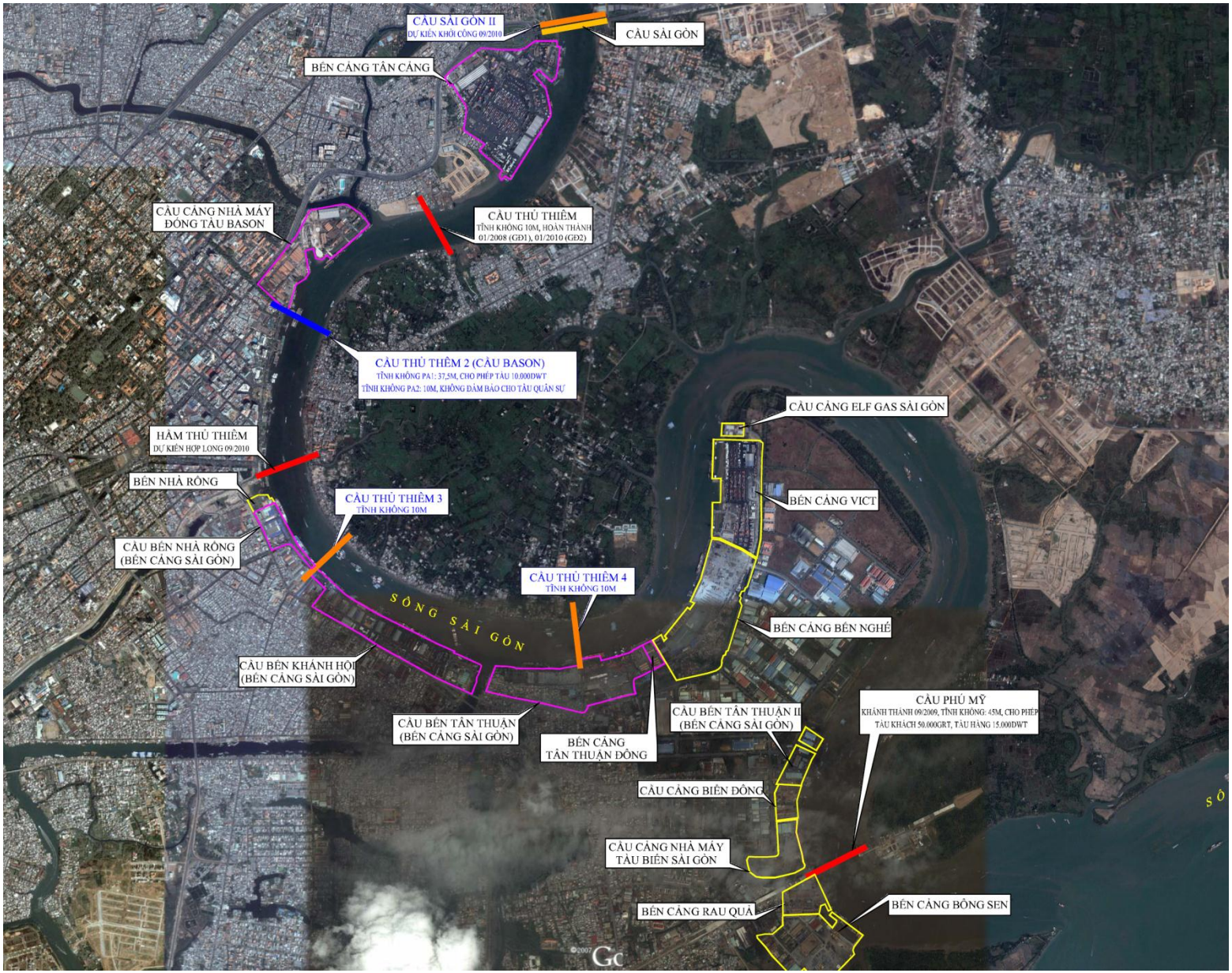

QUY HOẠCH CẢNG TP.HCM (CÁT LÁI)

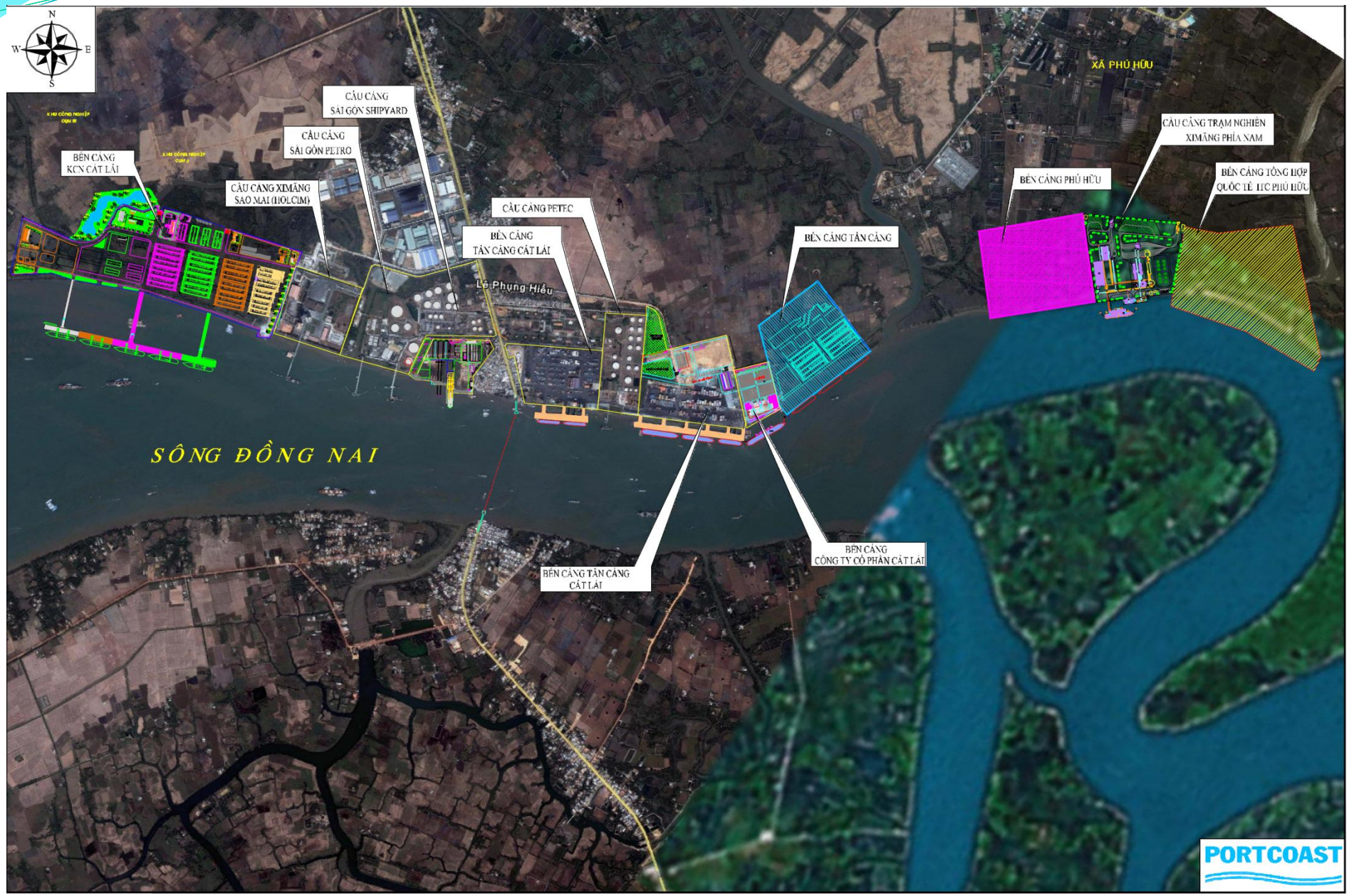

QUY HOẠCH CẢNG TP.HCM (TRÊN SÔNG NHÀ BÈ)

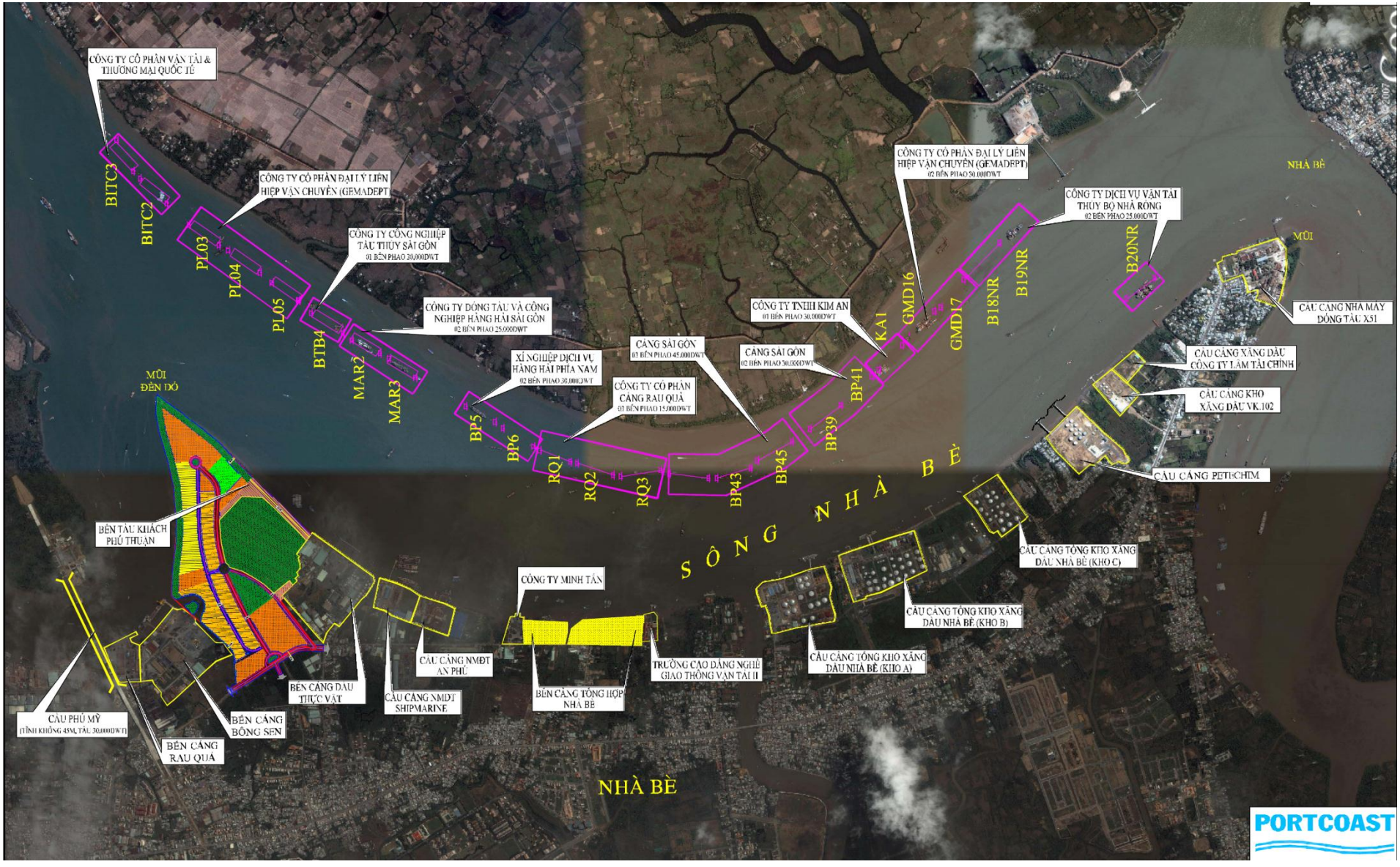

QUY HOẠCH CẢNG TP. HCM (HIỆP PHƯỚC)

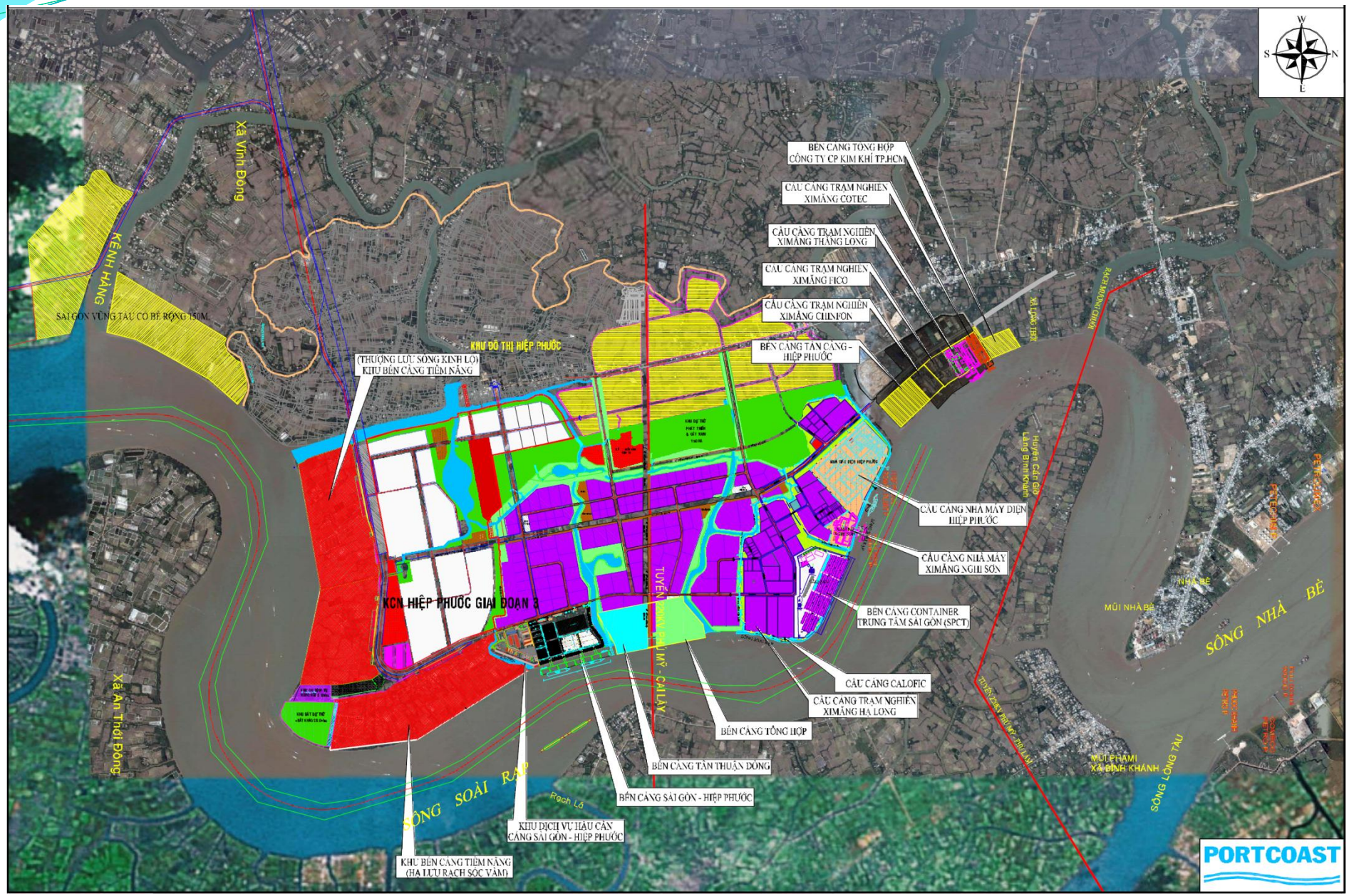

QUY HOẠCH KHU CẢNG LONG AN – TIỀN GIANG

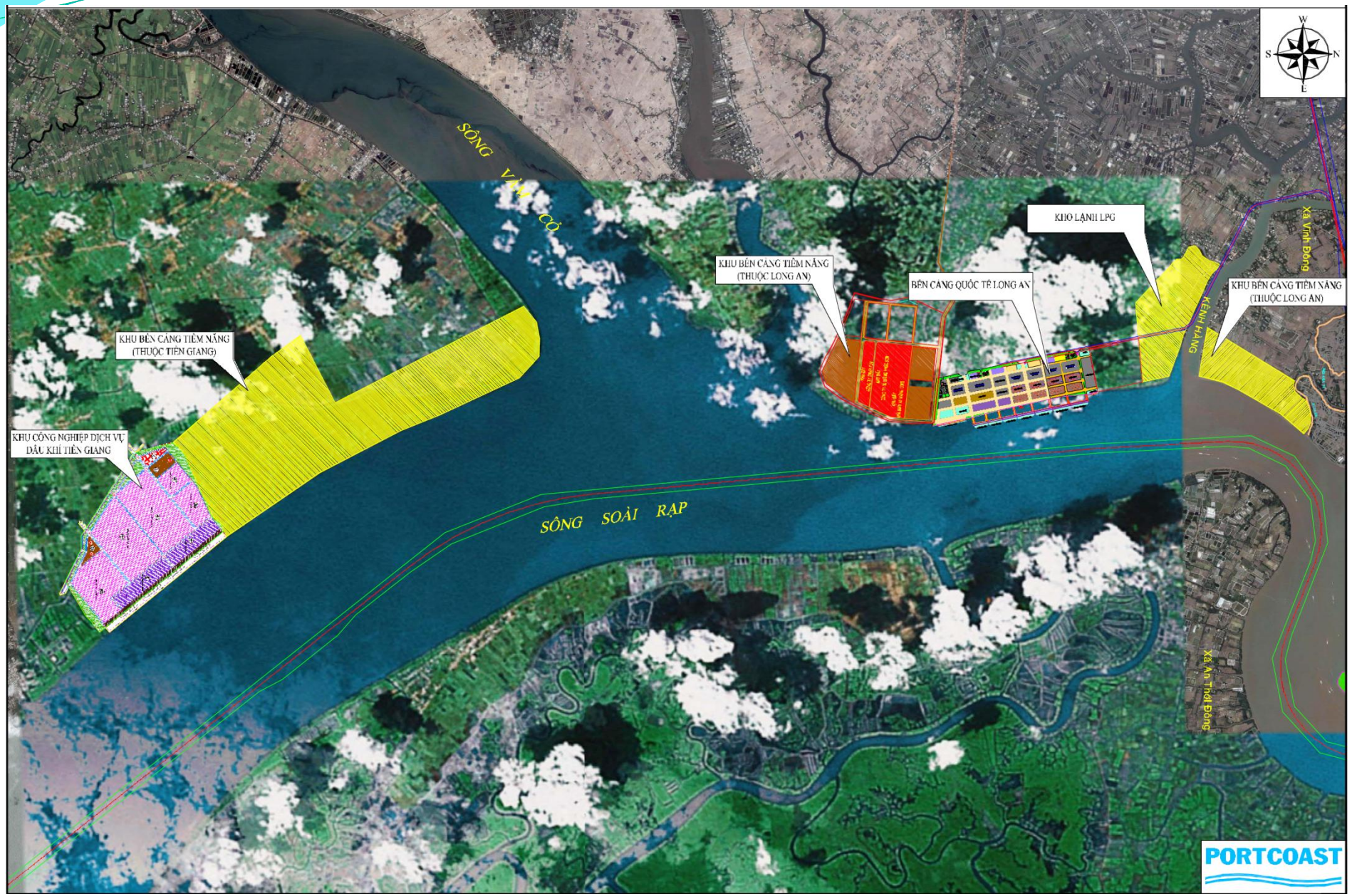

QUY HOẠCH CẢNG ĐỒNG NAI (LONG BÌNH TÂN)

QUY HOẠCH CẢNG ĐỒNG NAI (NHƠN TRẠCH)

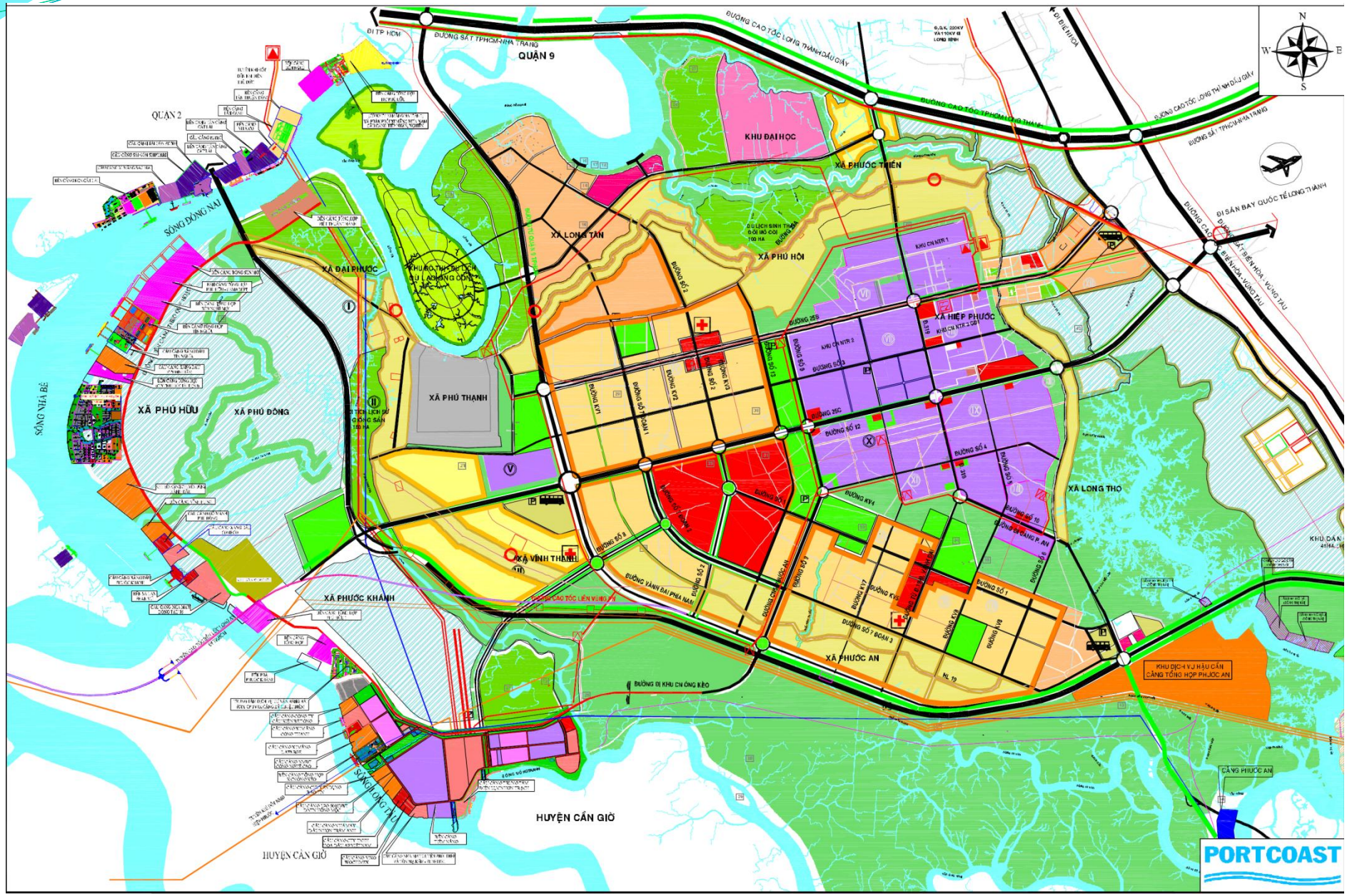

QUY HOẠCH CẢNG ĐỒNG NAI (PHƯỚC AN – GÒ DẦU)

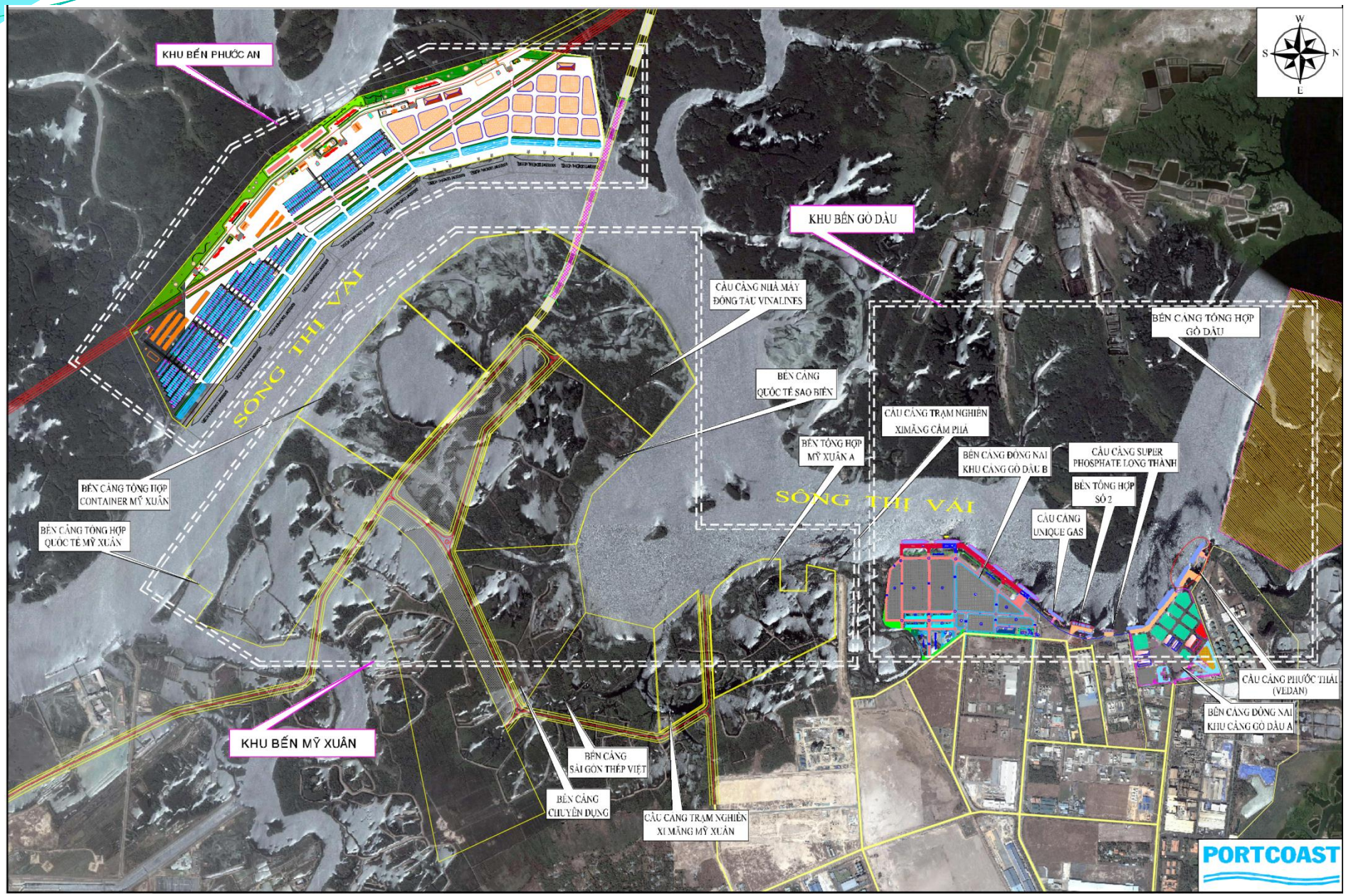

QUY HOẠCH CẢNG VŨNG TÀU – CÁI MÉP THỊ VẢI

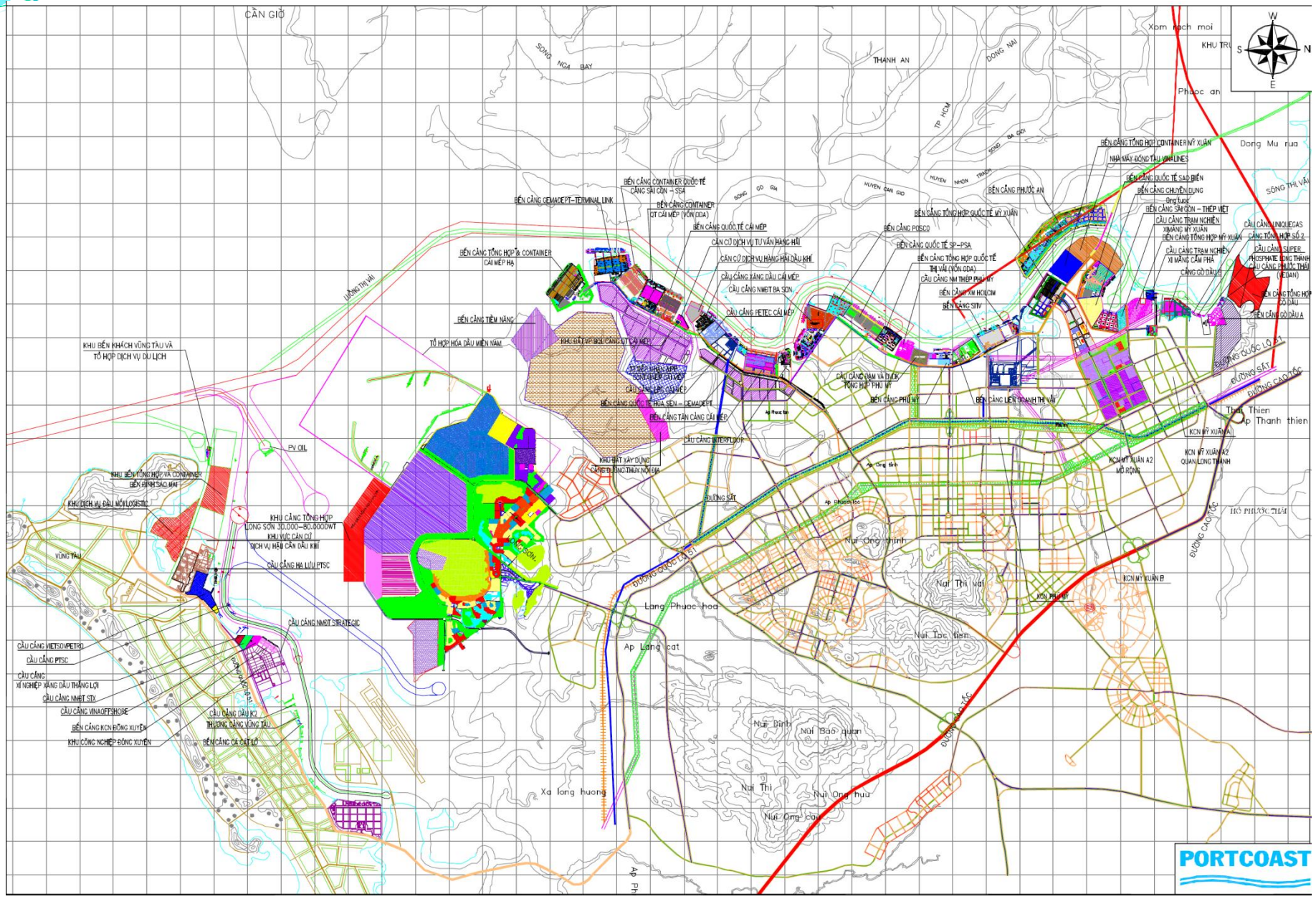

QUY HOẠCH CẢNG CÁI MÉP THỊ VẢI (KHU MỸ XUÂN)

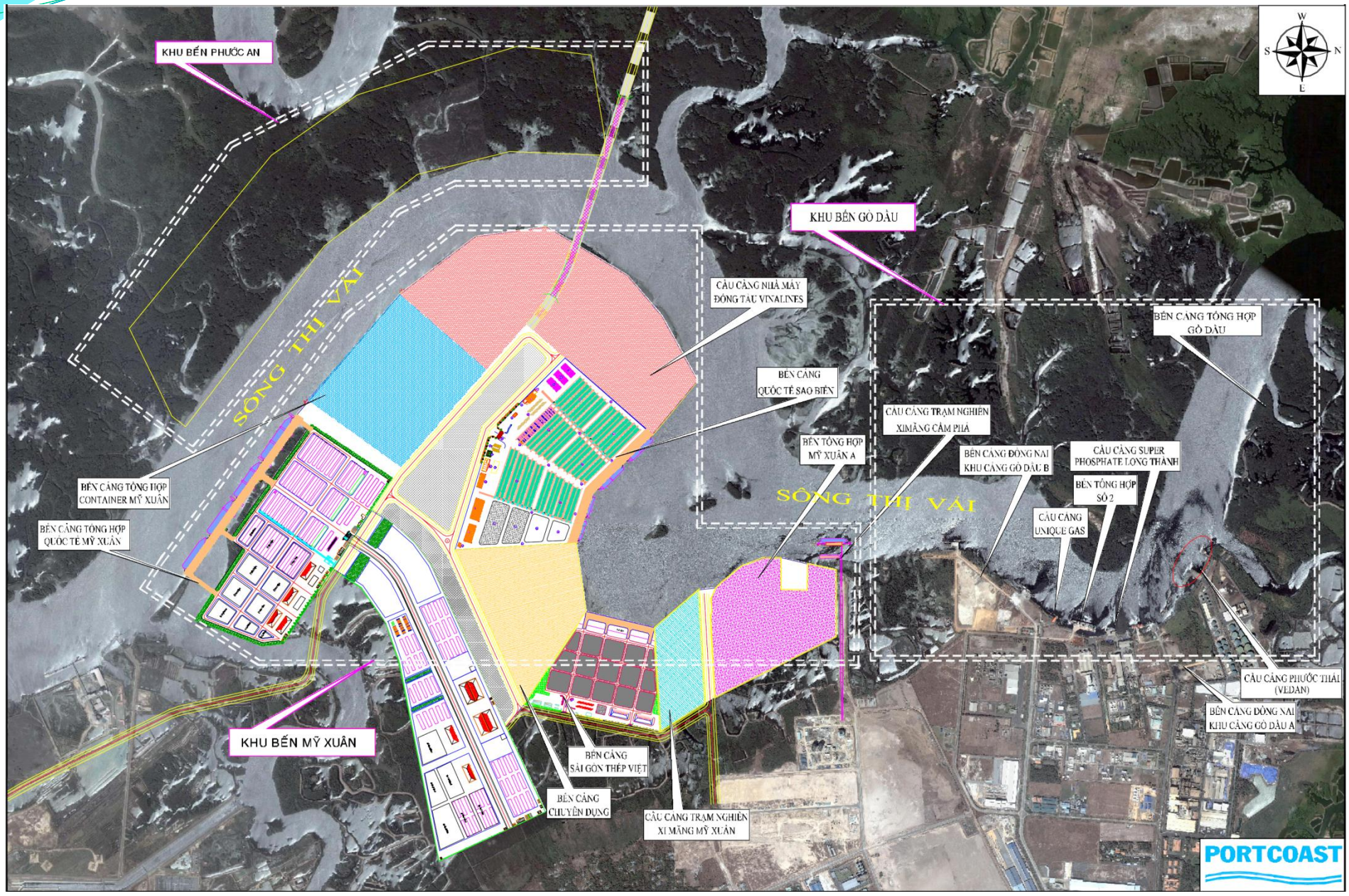

QUY HOẠCH CẢNG CÁI MÉP – THỊ VẢI (KHU PHÚ MỸ)

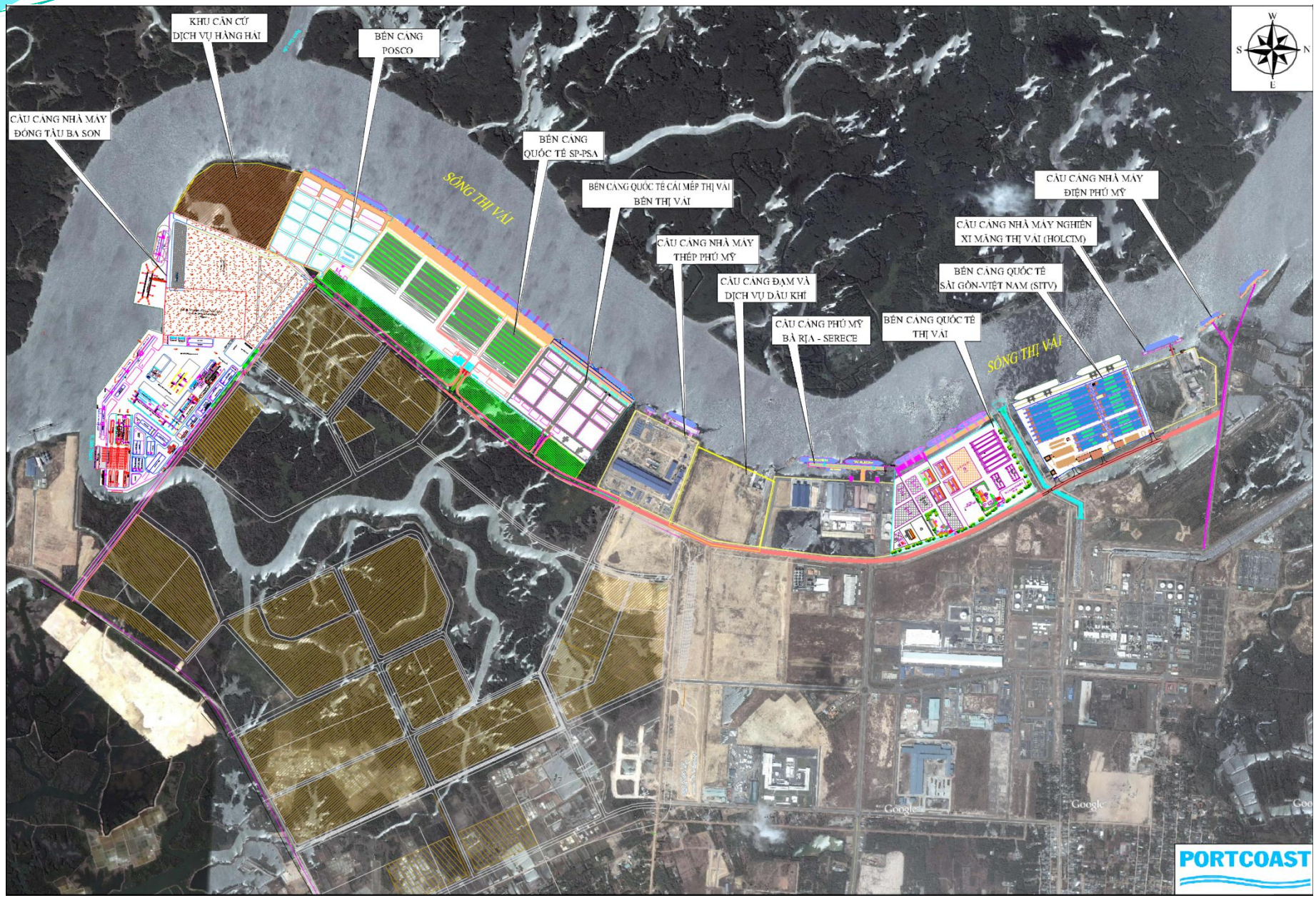

QUY HOẠCH CẢNG CÁI MÉP – THỊ VẢI (KHU CÁI MÉP)

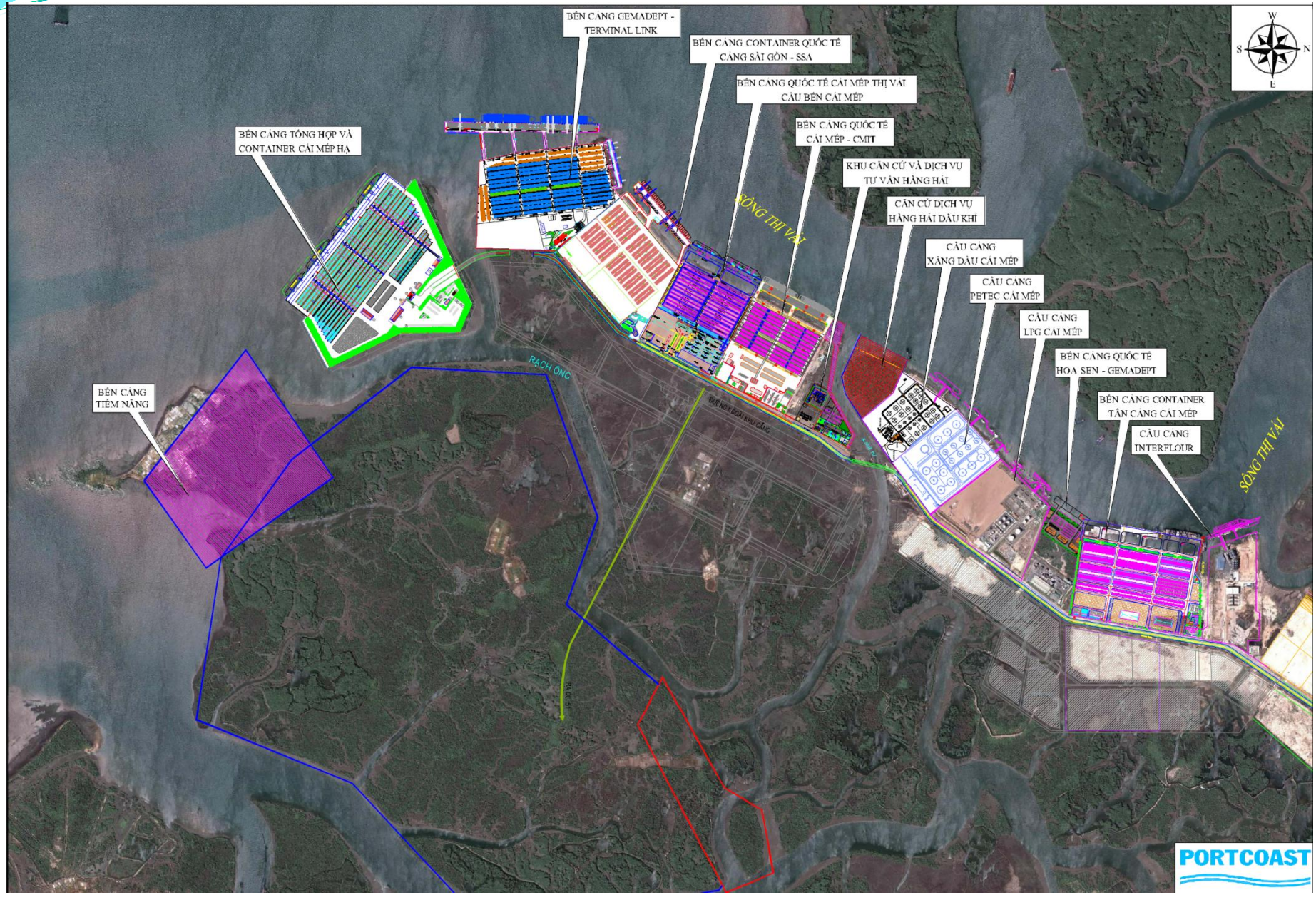

QUY HOẠCH CẢNG VŨNG TÀU (KHU LONG SƠN)

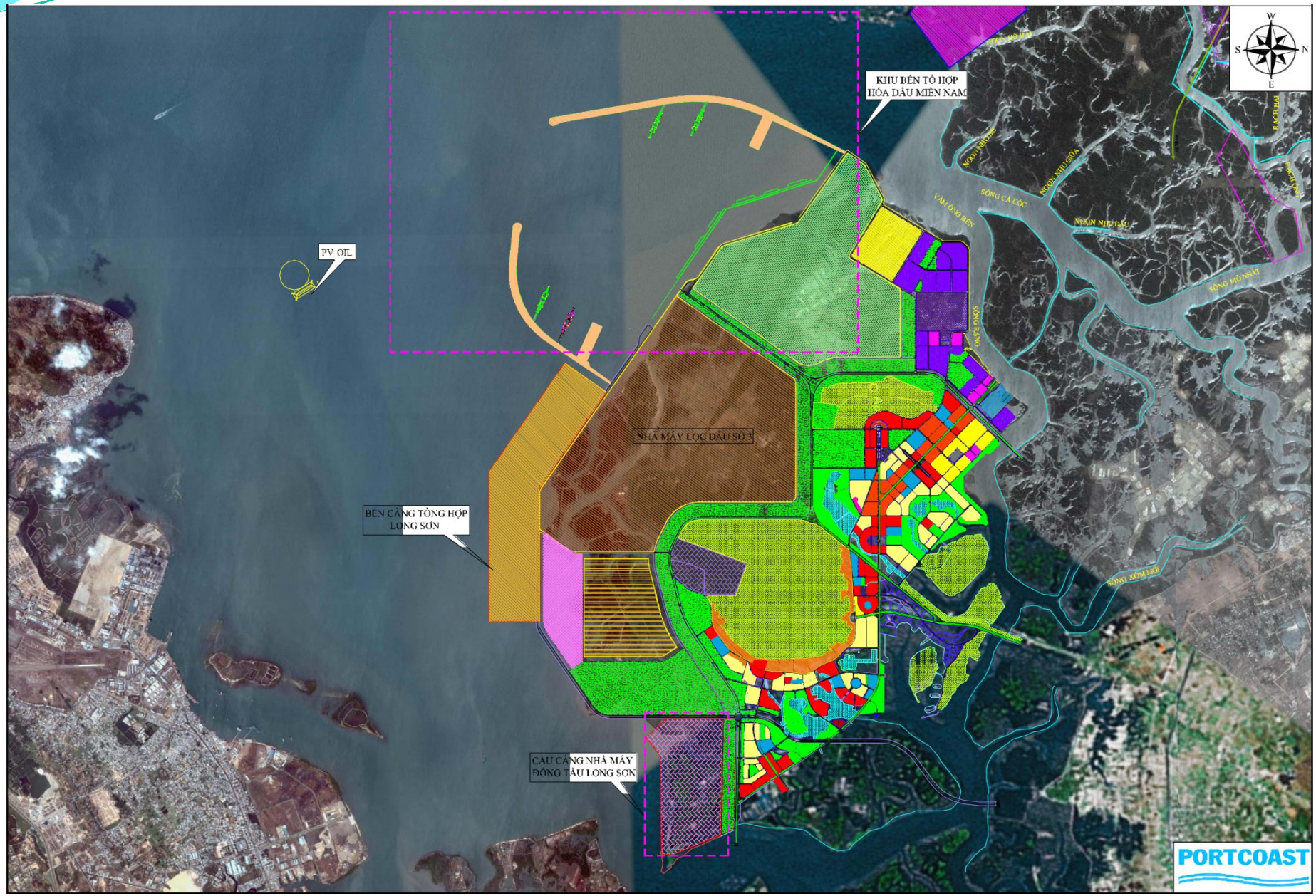

QUY HOẠCH CẢNG VŨNG TÀU (VŨNG TÀU – S.DINH)

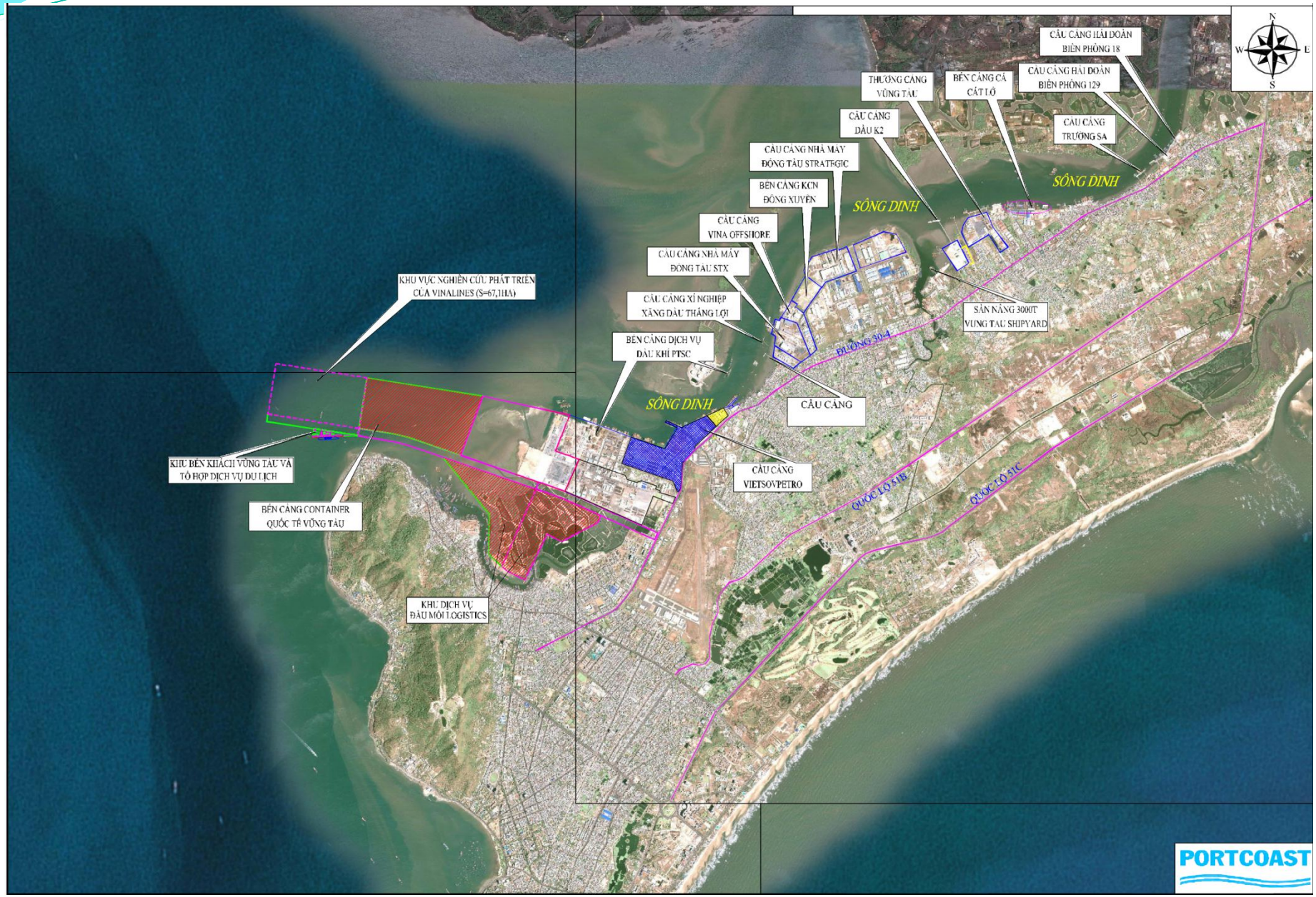

QUY HOẠCH HỆ THỐNG LUỒNG TÀU

✓ **Tuyến luồng Vũng Tàu - Thị Vải**

Nghiên cứu tổng thể toàn diện tuyến luồng Vũng Tàu - Thị Vải vào đến Gò Dầu nhằm đáp ứng cho lưu thông tàu trọng tải lớn ra vào các cảng. Cụ thể:

+ Nạo vét, nâng cấp đoạn luồng từ ngoài biển đến khu Bến Đình - Sao Mai cho tàu 10 vạn DWT, container 8.000 TEU; vào khu bến Cái Mép cho tàu trọng tải 8 vạn DWT, tàu chở container đến 6.000 TEU với chuẩn tắc phù hợp với yêu cầu của cảng cửa ngõ quốc tế. Trước mắt độ sâu đáy luồng đến -14,0m (CD) sau đó là -16,0m (CD).

+ Nâng cấp đoạn luồng sông Thị Vải đến khu bến Phước An - Đồng Nai cho tàu trọng tải 6 vạn DWT, tàu container 4.000 TEU; khu bến Gò Dầu cho tàu 3 vạn DWT ra vào thường xuyên ít phải lợi dụng triều. Trước mắt độ sâu đáy luồng đến -12,0m (CD).

+ Nghiên cứu chỉnh trị một số đoạn cong lồi của bờ sông nhằm cải tạo luồng cho tàu trọng tải trên 10 vạn DWT vào, rời bến khu vực Thị Vải.

- Nghiên cứu bố trí một số khu chờ tàu, khu neo đậu cho tàu bè và khu neo đậu cho sà lan.

✓ **Tuyến luồng Vũng Tàu - Sài Gòn**

- Không cải tạo mở rộng toàn tuyến luồng này. Chỉ cải tạo một số đoạn cong gấp, duy trì độ sâu luồng Lòng Tàu cho tàu trọng tải 3 vạn DWT ra vào thường xuyên (cả ngày, đêm) ít lợi dụng triều.

✓ **Tuyến luồng Soài Rạp**

- Nạo vét, nâng cấp luồng Soài Rạp, từ biển đến Bình Khánh cho tàu 5 vạn DWT và 4.000 TEU ra vào ít phải lợi dụng triều. Trước mắt cao độ đáy luồng đến -12,0m (CD)

- Nghiên cứu bố trí một số khu chờ tàu, khu neo đậu cho tàu bè và khu neo đậu cho sà lan.

CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN

Giai đoạn từ nay đến năm 2015 sẽ tập trung đầu tư phát triển các bến cảng và luồng vào cảng như sau:

(1). Luồng và đường vào cảng:

- Luồng hàng hải: Nghiên cứu toàn diện tuyến luồng Vũng Tàu – Thị Vải và đề xuất giải pháp cải tạo cho tàu trọng tải đến hơn 100.000DWT vào đến khu cảng Thị Vải; cho tàu trọng tải đến 60.000DWT vào khu cảng Mỹ Xuân, Phước An; cho tàu đến 30.000DWT vào đến khu cảng Gò Dầu. Đối với luồng Soài Rạp: Tiếp tục quan trắc, nghiên cứu nạo vét luồng đến độ sâu -12,0m (hệ Hải đồ) cho tàu 50.000DWT và 70.000DWT (giảm tải, lợi dụng triều) vào khu cảng Hiệp Phước.

- Đường bộ kết nối với cảng: Đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án đã khởi công. Xúc tiến khởi công các dự án đã được quy hoạch. Ưu tiên đầu tư các tuyến đường kết nối với các cảng đã khởi công xây dựng.

(2). Bến cảng biển:

- Đối với các bến cảng tổng hợp, container:

+ Đẩy mạnh đầu tư và đưa vào khai thác khu bến trên sông Cái Mép - Thị Vải, khu bến container Vũng Tàu, đảm bảo chức năng khu cảng cửa ngõ quốc tế.

+ Đẩy mạnh đầu tư và đưa vào khai thác các bến thuộc giai đoạn đầu ở khu Hiệp Phước của cảng TP. Hồ Chí Minh.

+ Triển khai đầu tư các bến thuộc khu vực Phú Hữu - Ông Kèo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Đối với các bến cảng chuyên dùng:

+ Đẩy mạnh đầu tư và đưa vào khai thác khu bến chuyên dùng phục vụ Tổ hợp Hóa dầu Miền Nam Việt Nam trên đảo Long Sơn